

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỐ
TỈNH QUẢNG NGÃI**
Bản án số 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5- 2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm

2. Ông Phạm Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thịnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa:
Ông Trần Phương Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 186/2022/TLST- HNGĐ về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa:

1/ Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn B –sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ dân phố Phần Th, phường Phổ Q, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.
(Có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt)

2/ Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Tr- sinh năm 1996

Địa chỉ: tổ dân phố Phần Th, phường Phổ Q, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.
(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/Trong đơn khởi kiện tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh Văn B trình bày:

Anh Huỳnh Văn B và chị Huỳnh Thị Tr tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2021 tại Ủy ban nhân dân phường Phổ Q. Trong thời gian đầu sống chung, đôi lúc vợ chồng cũng có cãi nhau và có mâu thuẫn nhỏ nhưng vợ chồng tự khắc phục được. Dần về sau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên

nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên cãi nhau. Mặc dù anh B đã nhiều lần nói chuyện với chị Tr nhưng mâu thuẫn không thể khắc phục được. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh B không còn tình cảm với chị Tr nên yêu cầu được ly hôn với chị Trúc.

Về con chung: Vợ chồng anh B và chị Tr có 01 người con chung tên Huỳnh Bảo L–sinh ngày 06/11/2021. Tại đơn ngày 04/11/2022 anh Huỳnh Văn B cho rằng làm nghề biển nên có thu nhập còn chị Tr thì không có thu nhập. Vì vậy anh B yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng cho con. Trường hợp chị Tr quyết định nuôi con thì anh đồng ý giao con chung cho chị Tr nuôi nhưng anh B chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Tại biên bản ghi nhận kết quả hòa giải anh Huỳnh Văn B khai không có.

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án chị Huỳnh Thị Tr trình bày:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Tr và anh Huỳnh Văn B kết hôn vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phổ Q. Trong thời gian sống chung vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn bất đồng, nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh Huỳnh Văn B yêu cầu ly hôn thì chị Tr đồng ý.

Về con chung: Chị Huỳnh Thị Tr và anh Huỳnh Văn B có 01 người con chung tên Huỳnh Bảo L–sinh ngày 06/11/2021. Hiện con chung đang sống với chị Trúc. Khi ly hôn chị Tr yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu anh Huỳnh Văn B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị Tr khai không có

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn Bảo

Về hôn nhân: Đề nghị cho anh Huỳnh Văn B được ly hôn với chị Huỳnh Thị Tr

Về con chung: Đề nghị giao con chung Huỳnh Bảo L cho chị Huỳnh Thị Tr trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Huỳnh Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng/

tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Huỳnh Văn B có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với bị đơn chị Huỳnh Thị Tr ở tổ dân phố Phần Th, phường Phổ Q, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

Anh Huỳnh Văn B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Huỳnh Văn B.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng

[2.1] Về hôn nhân: Anh Huỳnh Văn B và chị Huỳnh Thị Tr có đăng ký kết hôn vào năm 2021 tại Ủy ban nhân dân phường Phổ Q. Căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa anh B và chị Tr là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Hiện vợ chồng đã sống ly thân. Mặc khác việc anh B yêu cầu ly hôn chị Tr đồng ý. Điều đó chứng tỏ rằng hôn nhân giữa anh B và chị Tr đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên việc anh B yêu cầu ly hôn với chị Tr là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng anh Huỳnh Văn B và chị Huỳnh Thị Tr có 01 người con chung tên Huỳnh Bảo L –sinh ngày 06/11/2021. Hiện con chung đang ở với chị Tr. Xét yêu cầu nuôi con chung của anh B, chị Tr. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi vợ chồng ly thân thì chị Trú là người trực tiếp nuôi cháu L. Mặc khác hiện cháu Long dưới 36 tháng tuổi và chị T đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu L, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao cháu Huỳnh Bảo L cho chị Huỳnh Thị Tr trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về mức cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Huỳnh Thị T yêu cầu anh Huỳnh Văn B cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/ tháng, anh Huỳnh Văn B chỉ đồng ý mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng /tháng. Xét mức cấp dưỡng cho con mà chị Tr yêu cầu anh Bảo cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ tháng. Hội đồng

xét xử thấy rằng tại đơn khởi kiện anh B cho rằng làm nghề biển có thu nhập nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thu nhập không ổn định. Tuy nhiên hiện nay cháu L còn quá nhỏ nên cần một khoản tiền cấp dưỡng hợp lý để chi Tr nuôi cháu L được đảm bảo. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh B và nhu cầu thiết yếu của cháu L nên buộc anh Huỳnh Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự

Anh Huỳnh Văn có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được quyền cản trở.

Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc anh Huỳnh Văn B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng. Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) anh B đã nộp tại biên lai số 0004140 ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ. Anh Huỳnh Văn B còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn B

1. Về hôn nhân: Cho anh Huỳnh Văn B được ly hôn với chị Huỳnh Thị Tr

2. Về con chung: Vợ chồng anh B và chị Tr có 01 người con chung tên Huỳnh Bảo L –sinh ngày 06/11/2021. Giao cháu Huỳnh Bảo L cho chị Huỳnh Thị Tr trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Huỳnh Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 19/5/2023

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự

Anh Huỳnh Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được quyền cản trở.

Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Buộc anh Huỳnh Văn B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng. Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) anh B đã nộp tại biên lai số 0004140 ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ. Anh Huỳnh Văn B còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) án phí cấp dưỡng.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Trúc có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.ạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND phường Phổ Quang ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Minh Kha

